

Số: 98/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hà Giang;

Trên cơ sở xem xét các Báo cáo của Ủy ban nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh; Ý kiến tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Giang và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017

Bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, với sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực, cố gắng của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nền kinh tế tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) đạt 7,36% (vượt chỉ tiêu Nghị quyết 0,36%). Tổng sản phẩm bình quân đầu người 22,4 triệu đồng (tăng 7,7% so với năm 2016); thu ngân sách trên địa bàn đạt 1.956 tỷ đồng. Sản xuất nông nghiệp được đổi mới đi vào chiều sâu; sản xuất công nghiệp phục hồi và tăng trưởng khá; dịch vụ du lịch có nhiều khởi sắc. Chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội từng bước được nâng lên; các chế độ an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Công tác cải cách hành chính, môi trường đầu tư, kinh doanh được đẩy mạnh; tính quyết liệt của người đứng được chuyển biến rõ nét; công tác thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh đi vào thực chất. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được quan tâm chú trọng. An ninh chính trị, trật

tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững; chủ quyền lãnh thổ, biên giới ổn định; quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế được mở rộng và phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được còn nhiều khó khăn, hạn chế như: Tình hình tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp gặp khó khăn; một số chỉ tiêu công nghiệp chưa đạt kế hoạch đề ra; công tác chuyển đổi, giải thể các hợp tác xã còn nhiều vướng mắc, chậm được tháo gỡ; hoạt động sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp vẫn còn khó khăn; hệ thống các dịch vụ du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch, sản phẩm du lịch còn đơn điệu, sản phẩm lưu niệm chưa phong phú, hấp dẫn; số lượng người lao động tự do đi Trung Quốc làm việc còn cao và chưa có giải pháp quản lý hiệu quả; công tác huy động học sinh đến trường, duy trì sỹ số học sinh, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học còn nhiều khó khăn; tình trạng học sinh bỏ học, đi học không chuyên cần vẫn xảy ra ở một số địa phương, tập trung chủ yếu ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; sự phối hợp giữa cấp và ngành ở một số lĩnh vực chưa thật sự đồng bộ; tính quyết liệt của một số bộ phận giúp việc (*phòng, ban thuộc các sở, ngành, huyện, thành phố*) chưa cao, chưa linh hoạt, vẫn còn dậm khuôn, máy móc.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2018

1. Mục tiêu tổng quát:

Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ đột phá, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, gắn với tái cơ cấu kinh tế theo hướng đi vào chiều sâu, chất lượng, hiệu quả. Chủ động và vận dụng tốt các chủ trương hội nhập quốc tế. Phát triển văn hóa, con người, bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân. Ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, hiệu lực quản lý Nhà nước. Bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) đạt 8%.
- Cơ cấu kinh tế: dịch vụ chiếm 47%, công nghiệp và xây dựng 23%, Nông lâm nghiệp và thủy sản 30%.
- Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 24,2 triệu đồng.
- Giá trị sản xuất công nghiệp trên 5.022 tỷ đồng.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên 2.158 tỷ đồng.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 9.500 tỷ đồng.
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn đạt 750 triệu USD.
- Tổng sản lượng lương thực đạt trên 39,79 vạn tấn.
- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo: 99,5%.
- Tỷ lệ huy động trẻ 06 tuổi vào lớp 1: 99,8%.
- Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT: 65%.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,49%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin 96%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng theo cân nặng giảm còn 21,6%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,2%.
- Tạo việc làm mới trong năm cho trên 16.350 lao động.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 56,5%.

- Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới trong năm là 6 xã (*Bao gồm: xã Linh Hồ, huyện Vị Xuyên; xã Yên Định, huyện Bắc Mê; xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang; xã Tân Trịnh, huyện Quang Bình; xã Xín Mần, huyện Xín Mần; xã Lũng Cú, huyện Đông Văn*).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Quyết định 206/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; các chương trình, kế hoạch hành động của BCH Đảng bộ tỉnh về triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư, thứ năm, thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; các kế hoạch, chương trình và Đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, trong đó tập trung vào 02 khâu đột phá, 5 chương trình trọng tâm.

2. Tập trung thực hiện có hiệu quả các lĩnh vực trọng tâm:

a) Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, tập trung vào một số cây trồng, vật nuôi chủ lực (*Chè, cây dược liệu, cam, nguyên liệu giấy; chăn nuôi trâu, bò; nuôi ong...*) và các cơ chế, chính sách phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp.

b) Tập trung phát triển đa dạng các loại hình du lịch, trọng tâm phát triển các tiềm năng du lịch đặc trưng của tỉnh gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa các dân tộc trong tỉnh và các cơ chế, chính sách phát triển du lịch.

c) Phát huy tốt tiềm năng, lợi thế khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy; tranh thủ tối đa chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng về phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền kết hợp với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại theo tinh thần Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/10/2017.

3. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, huy động nguồn lực đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội:

a) Triển khai có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu kinh tế của tỉnh, gắn với đổi mới phương pháp xây dựng và giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường phân cấp, giao quyền cho các sở, ngành, cấp huyện, xã nhằm tạo tính chủ động, linh hoạt trong thực hiện các chỉ tiêu cụ thể thông qua các chương trình, đề án, phương án đã được phê duyệt; gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

b) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; khuyến khích nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Rà soát quy hoạch để bố trí quỹ đất thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, dược liệu. Triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển nửa triệu con đại gia súc. Thực hiện tốt bảo vệ và phát triển rừng, huy động các nguồn lực đầu tư để triển khai trồng rừng theo kế hoạch, đặc biệt là khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia trồng rừng kinh tế, tạo vùng nguyên liệu gắn với đầu tư các cơ sở chế biến.

c) Tập trung hoàn thiện các thủ tục để sớm triển khai một số công trình trọng điểm có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đầu tư từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và các nguồn vốn của các bộ, ngành Trung ương. Chủ động rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị nhằm tạo quỹ đất sạch để kêu gọi, thu hút đầu tư. Triển khai tốt Đề án 01 triệu tấn xi măng để kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng và một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; xây dựng nông thôn mới theo cơ chế "*Nhà nước và nhân dân cùng làm*"; gắn với tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên cơ sở thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan đến đầu tư công; tập trung điều hành kế hoạch đầu tư công năm 2018, tiếp tục ưu tiên cho xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản. Tập trung huy động tối đa các nguồn lực đầu tư (*bao gồm cả nguồn vốn ngoài nhà nước*) để đầu tư cho các chương trình, dự án trọng điểm.

d) Thực hiện đồng bộ các giải pháp thu ngân sách trên địa bàn. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh; các Chương trình mục tiêu Quốc gia và chương trình mục tiêu.

đ) Phát triển mạnh thương mại, dịch vụ gắn với quy hoạch xây dựng các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch. Tập trung triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 120/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh hỗ trợ phát triển kinh tế biên mậu trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Triển khai thực hiện Chương trình số 29-Ctr/TU ngày 24/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Tập trung phát triển du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng để tận dụng và phát huy tốt giá trị của các di tích lịch sử và văn hóa đặc thù của các dân tộc trong tỉnh. Hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa để xúc tiến đầu tư các dự án du lịch trọng điểm.

e) Thực hiện quyết liệt và đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh đến năm 2020; nâng cao vị trí xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh. Thực hiện các Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa và tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Khuyến khích khởi nghiệp, chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể thành các doanh nghiệp, HTX. Chủ động tiếp cận xúc tiến, mời gọi các nhà đầu tư có năng lực, thương hiệu lớn đến đầu tư vào tỉnh; ưu tiên thu hút các dự án đầu tư theo chuỗi giá trị, các dự án nông nghiệp theo hướng an toàn, công nghệ cao.

4. Đẩy mạnh phát triển văn hóa xã hội và đảm bảo an sinh xã hội

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Đổi mới, nâng cao chất lượng các loại hình đào tạo nghề cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn; thực hiện dạy nghề gắn với tư vấn giới thiệu việc làm, lựa chọn loại hình đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.

b) Triển khai thực hiện các Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Tiếp tục củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống y tế công từ tỉnh đến cơ sở. Khuyến khích phát triển cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập chất lượng cao. Mở rộng diện bao phủ, nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

c) Tiếp tục khôi phục và phát triển các hoạt động văn hóa truyền thống, các di tích lịch sử, văn hoá, các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể; phát huy hiệu quả các công trình văn hóa, di tích đã được đầu tư. Triển khai Đề án phát triển văn hóa cho đồng bào dân tộc ít người. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; nâng cao chất lượng thực hiện phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*".

d) Thực hiện đồng bộ, hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo chuẩn đa chiều; huy động và thực hiện lồng ghép, đa dạng hóa các nguồn lực hỗ trợ cho giảm nghèo, phát triển sản xuất, chống tái nghèo. Tập trung triển khai thực hiện bộ tiêu chí tỉnh Hà Giang đến năm 2020 thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, phát triển bền vững. Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội và các chế độ, chính sách cho người có công, trẻ em, người khuyết tật, người già có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

5. Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, các chính sách dân tộc, tôn giáo:

a) Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp. Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình hội nghị trực tuyến liên thông ba cấp từ tỉnh đến xã. Chỉ đạo điều hành tốt hoạt động Trung tâm hành chính công của tỉnh. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, đơn vị theo hướng tinh gọn, thực sự hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tăng dần tự chủ kinh phí, giảm chi ngân sách đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, không để các vụ việc tồn đọng, kéo dài.

c) Thực hiện tốt các chính sách, chương trình, dự án về công tác dân tộc. Tiếp tục thực hiện các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, gắn với chính sách giảm nghèo bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020. Tuyên truyền phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và các quy định của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cho các chức sắc và tín đồ của các tôn giáo; hướng dẫn, quản lý hoạt động của các tổ chức tôn giáo theo đúng quy định.

6. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế:

a) Nâng cao chất lượng xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trong tình hình mới. Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân và hoàn thành nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo kế hoạch năm 2018. Chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện và các chương trình, đề án về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo các lực lượng nắm chắc tình hình, quản lý địa bàn và các lĩnh vực; phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh ngăn chặn kịp thời các hoạt động vi phạm chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia, trật tự xã hội; nâng cao chất lượng thực hiện các phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự; triển khai các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, giải quyết kịp thời các vụ việc xảy ra, không để bị động, bất ngờ, phát sinh điểm nóng trong mọi tình huống. Thực hiện đồng bộ các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông; các biện pháp quản lý chặt chẽ hành lang giao thông, xử lý các điểm đen về tai nạn giao thông; phân đấu giảm tai nạn giao thông vững chắc. Chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp kiên quyết ngăn chặn, xử lý các hành vi kích động, vi phạm pháp luật, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản và điều kiện sản xuất, kinh doanh của các cá nhân, tổ chức đầu tư trên địa bàn tỉnh.

c) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình hợp tác đã ký kết. Chủ động vận động, quản lý các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), tổ chức phi chính phủ (NGO), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo đồng thuận cao trong xã hội:

Thường xuyên tuyên truyền, cung cấp thông tin kịp thời về chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, môi trường đầu tư và các thông tin liên quan đến tình hình trong

nước và quốc tế... để nhân dân hiểu rõ về tình hình và chính sách của Đảng, Nhà nước; từ đó tạo sự đồng thuận trong nhân dân, chung sức chung lòng thực hiện tốt các mục tiêu trên cơ sở kế hoạch đã đề ra.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, Kỳ họp thứ Sáu thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2017. *ucl*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu, UBTWQH;
- Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTr. Tỉnh ủy; HĐND; UBND; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh khóa XIV;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Sở, Ban, Ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang, Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT; TT Công báo - tin học tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND (1b). *ucl*



CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh)



Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018
A	B	C	4
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm bình quân	%	8,0
2	Cơ cấu ngành kinh tế	%	100,0
	- Nông, lâm nghiệp - Thủy sản	%	30,0
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	23,0
	- Thương mại - Dịch vụ	%	47,0
3	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	2.158,0
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	9.515,0
5	Tổng sản phẩm bình quân đầu người	Tr.đồng	24,2
6	Tổng sản lượng lương thực	Vạn tấn	39,79
7	Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân/ha đất trồng cây hàng năm	Tr.đồng	45,2
8	Tỷ lệ che phủ rừng	%	56,5
9	Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới trong năm	Xã	6
10	Số xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí nông thôn mới	Xã	102
11	Số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí nông thôn mới	Xã	37
12	Số xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí nông thôn mới	Xã	9
13	Tỷ lệ thôn, bản có đường đi được xe cơ giới	%	100
14	Tỷ lệ đô thị hóa	%	29
15	Tỷ trọng chăn nuôi trong ngành công nghiệp	%	32
16	Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	5.022,0
17	Tổng giá trị hàng hóa xuất - nhập khẩu qua cửa khẩu	Triệu USD	750,0
18	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	%	14,0
19	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	90,8
20	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,49
21	Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế	%	97,90
22	Bình quân Bác sĩ/1 vạn dân	Bác sĩ/1 vạn dân	10,20

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018
A	B	C	4
23	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	91,00
24	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	81,50
25	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	%	93,50
26	Xử lý chất thải y tế	%	99,20
27	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn (theo cân nặng)	%	21,6
28	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin	%	96,0
29	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo	%	99,5
30	Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1	%	99,8
31	Tỷ lệ học sinh 6 - 14 tuổi đến trường	%	99,8
32	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	28,4
33	Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT (phổ thông và bổ túc)	%	65,0
34	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	16.350,0
35	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	41,6
36	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	51,0
37	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm	%	4,2
38	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện	%	90,8
39	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	90,5
40	Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng	%	<3
41	Tăng trưởng tín dụng hàng năm	%	17,0
42	Thu hút khách du lịch	Triệu lượt người	1,10
43	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%	61,00
44	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố được công nhận tiêu chí văn hóa	%	43,00
45	Xây dựng Làng văn hóa Du lịch tiêu biểu gắn với xây dựng nông thôn mới	Làng	3
46	Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	%	90